TAND HUYỆN PHONG THỔ **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33a/2025/QĐST - HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 24 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Lương Văn Đoàn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2025/QĐST- HNGĐ ngày 11/3/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lù Chào Q, sinh năm 1974; Địa chỉ: Bản T, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt).

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lù A N, sinh ngày 20/4/1998; Địa chỉ: Bản T, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Tẩn Xa H, sinh ngày 27/7/1996; Địa chỉ: Bản T, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chang Thanh B - Chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ (Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu ông Q trình bày:

Ông Q có con trai tên là Lù A N (Tên cũ là Lù Kin L), sinh ngày 20/4/1998. Ngày 25/4/2016, anh Lù A N (Lù Kin L) và chị Tẩn Xa H, sinh ngày 27/7/1996, hiện đang cư trú tại bản T, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Thời điểm đăng ký kết hôn, anh Lù A N (Lù Kin L) đã xuất trình chứng minh nhân dân thể hiện anh sinh ngày 20/4/1996, tuy nhiên trong giấy khai sinh và căn cước công dân

hiện nay đều thể hiện anh sinh ngày 20/4/1998. Hiện nay ngày tháng năm sinh của anh Lù A N trong giấy đăng ký kết hôn và các loại giấy tờ tùy thân không trùng khớp thông tin nên ông Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù A N (Lù Kin L) và chị Tẩn Xa H và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H kể từ thời điểm anh Lù A N (Lù Kin L) đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lù A N và chị Tẩn Xa H đều trình bày: Anh N và chị H đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu trên cơ sơ tự nguyện. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, công chức tư pháp xã H yêu cầu anh, chị xuất trình giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ liên quan để thực hiện việc đăng ký kết hôn. Do giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ liên quan thể hiện anh N sinh năm 1996 nên Ủy ban nhân dân xã H đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh, chị và ghi là anh Lù Kin L, sinh ngày 20/4/1996 và chị Tẩn Xa H, sinh ngày 27/7/1996. Trước đây, trong giấy khai sinh của anh Lù A N ghi ngày tháng năm sinh là 20/8/1998, khi anh làm thủ tục cấp giấy chứng minh nhân dân thì không cung cấp giấy khai sinh nên trong giấy chứng minh nhân dân ghi ngày tháng năm sinh của anh là ngày 20/4/1996, trong quá trình làm căn cước công dân đã căn cứ thông tin ngày sinh của giấy khai sinh nên ghi ngày tháng năm sinh trên căn cước công dân là 20/4/1998.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh N, chị H chung sống với nhau hạnh phúc và hiện nay có 03 con chung là cháu Lù Thị Nguyệt A, sinh ngày 23/10/1014, Lù Văn M, sinh ngày 31/12/2020 và cháu Lù Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2018. Anh N và chị H đồng ý yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Q, yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm anh N đủ tuổi kết hôn. Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và chia tài sản.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B xác định: Khi anh Lù A N đi đề nghị làm giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân đã cung cấp giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của gia đình đều ghi tên là Lù Kin L, sinh ngày 20/4/1996, từ đó Ủy ban nhân dân xã đã cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ghi năm sinh là năm 1996. Tại biên bản xác minh tại Công an xã B xác định anh Lù A N có ngày tháng năm sinh chính xác là ngày 20/4/1998. Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H xác định: Anh Lù A N và chị Tẩn Xa H có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn thì Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình, khi đó trên các giấy tờ đều ghi tên và ngày tháng năm sinh là Lù Kin L sinh ngày 20/4/1996. Căn cứ các giấy tờ tùy thân xét thấy anh L và chị H đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nên Ủy ban nhân dân xã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ căn cứ theo các quy

định của pháp luật để xem xét ban hành quyết định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ áp dụng: Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 366; 367; 369; 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 10, Điều 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Q: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù A Nùng và chị Tẩn Xa H theo giấy chứng nhận kết hôn số: 16/2016, đăng ký ngày 25/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lù A N và chị Tẩn Xa H kể từ ngày 20/4/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, người yêu cầu và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Anh Lù A N, sinh ngày 20/4/1998 và anh Lù Kin L, sinh ngày 20/4/1996 đều là một người. Anh Lù A N, sinh ngày 20/4/1998 và chị Tẩn Xa H, sinh ngày 27/7/1996 đăng ký kết hôn ngày 25/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Lù A N mới được 18 tuổi 05 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị H theo giấy chứng nhận kết hôn số: 16/2016 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Ông Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù A N và chị Tẩn Xa H và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H kể từ thời điểm anh Lù A N đủ tuổi kết hôn. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh N và chị H đều đã đủ tuổi kết hôn (Anh N đủ tuổi kết hôn kể từ ngày 20/4/2018), hơn nữa sau khi kết hôn anh N và chị H vẫn chung sống hạnh phúc, hòa thuận và đều có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh N đủ tuổi kết hôn. Xét yêu cầu của ông Q, anh N và chị H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần xem xét chấp nhận.

Về con chung và chia tài sản chung: Anh Lù A N và chị Tẩn Xa H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lù A N và chị Tẩn Xa H theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Q không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Q. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù A N và chị Tẩn Xa H theo giấy chứng nhận kết hôn số: 16/2016, đăng ký ngày 25/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lù A N và chị Tẩn Xa H hợp pháp kể từ thời điểm anh Lù A N đủ tuổi kết hôn là ngày 20/4/2018.

[2] Kiến nghị UBND xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lù A N và chị Tẩn Xa H theo quy định của pháp luật.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Q không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[4] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CCTHADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Hoang Thèn;
- Người yêu cầu;
- Những người có QLNVLQ;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lương Văn Đoàn